

## NGÔN NGỮ VỚI VĂN CHƯƠNG

## TRƯỜNG NGHĨA CHỈ NGƯỜI TRONG TIỂU THUYẾT "MÀNH ĐẤT LẮM NGƯỜI NHIỀU MA" CỦA NGUYỄN KHẮC TRƯỜNG DƯƠNG ĐỨC THẢO\*

**TÓM TẮT:** Dựa vào lí thuyết trường từ vựng - ngữ nghĩa, xác định các từ thuộc một trường nghĩa phải có quan hệ ngữ nghĩa với nhau dựa vào tồn tại một hoặc một số nét nghĩa chung, trên cơ sở thống kê được 765 từ ngữ chỉ người xuất hiện trong tiểu thuyết "*Mảnh đất lắm người nhiều ma*" của Nguyễn Khắc Trường, bài viết đã phân lập thành 10 tiểu trường, tiến hành miêu tả, phân tích đặc điểm và vai trò của các từ ngữ này trong việc khắc họa đặc điểm của các nhân vật với những mâu thuẫn, xung đột giữa hai dòng họ ở một làng quê nông thôn Việt Nam trong những năm đầu thời kì đổi mới. Từ đó nêu một số nhận xét về nghệ thuật sử dụng từ ngữ của nhà văn.

**TỪ KHÓA:** trường nghĩa; hoạt động của từ; nghệ thuật dùng từ; tác phẩm "*Mảnh đất lắm người nhiều ma*"; Nguyễn Khắc Trường.

NHẬN BÀI: 28/5/2019.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 23/9/2019

### 1. Dẫn nhập

Tiểu thuyết "*Mảnh đất lắm người nhiều ma*" của Nguyễn Khắc Trường viết về bối cảnh là một làng quê nông thôn Việt Nam những năm đầu thời kì đổi mới trong không khí vô cùng ngột ngạt, căng thẳng. Cái làng Giếng Chùa nhỏ bé ấy lại diễn ra cuộc xung đột "đẫm máu" giữa hai dòng họ "cao sang" nhất làng - dòng họ Trịnh Bá và Vũ Đình. Xuyên suốt tác phẩm là câu chuyện của những người đàn ông trung niên với những mâu thuẫn, xung đột trong cuộc sống. Cụ thể đó là mâu thuẫn giữa hai dòng họ lớn ở làng Giếng Chùa, đó là dòng họ Trịnh Bá và dòng họ Vũ Đình. Chính những sự việc, hành vi, lễ lễ của làng, của xã trong hiện thực cuộc sống đã giúp cho nhà văn viết thành công tác phẩm trong đó nổi bật là những trường nghĩa nông thôn rất đặc sắc, thú vị.

**2. Hệ thống trường nghĩa của các danh từ chỉ người trong tiểu thuyết "*Mảnh đất lắm người nhiều ma*"**

Trong tác phẩm "*Mảnh đất lắm người nhiều ma*", Nguyễn Khắc Trường chủ yếu hướng tới đối tượng miêu tả là những người trung tuổi, lớn tuổi; nói ít về những người trẻ tuổi. Xuyên suốt tác phẩm là câu chuyện của những người đàn ông trung niên với những mâu thuẫn, xung đột trong cuộc sống.

Trường từ vựng chỉ người là một trường lớn, từ đây ta có thể phân lập được nhiều trường nhỏ. Các danh từ thuộc trường từ vựng chỉ người cũng có thể thuộc vào một trong các trường từ vựng nhỏ ấy. Trên cơ sở 765 danh từ chỉ người thống kê được từ tác phẩm "*Mảnh đất lắm người nhiều ma*", chúng tôi xác lập được 10 trường nghĩa. Hệ thống các trường nghĩa này được xác định dựa trên ngữ liệu khảo sát là tác phẩm "*Mảnh đất lắm người nhiều ma*" của Nguyễn Khắc Trường và căn cứ vào đặc điểm ngữ nghĩa của các từ để phân chia. Hơn nữa, giữa các trường nghĩa cũng không có ranh giới tuyệt đối. Một từ có thể xét ở nhiều trường khác nhau, chẳng hạn các từ "*người lính*", "*người nông dân*" vừa thuộc trường nghĩa nghề nghiệp, vừa thuộc các danh từ chỉ cá nhân người; hoặc các từ "*người dân công*", "*người đàn bà*"... vừa thuộc trường nghĩa giới tính, vừa thuộc trường nghĩa các danh từ chỉ cá nhân người. Tuy nhiên, trên cơ sở phân tích ý nghĩa các từ, chúng tôi sẽ xét các danh từ như trên ở một trường nghĩa để tránh sự trùng lặp.

#### 2.1. Trường nghĩa giới tính

Chúng tôi thống kê được 765 từ ngữ thuộc trường nghĩa chỉ người. Trong đó có 335 lần xuất hiện danh từ chỉ giới tính, danh từ chỉ giới tính nữ xuất hiện nhiều (208 lần, chiếm 62,1%). Các danh từ chỉ giới tính nam xuất hiện ít hơn (127 lần, chiếm 37,9%). Các danh từ chỉ giới tính nữ không chỉ có số lần xuất hiện lớn hơn hẳn mà còn phong phú về mặt từ ngữ. Trong tác phẩm có 26 từ ngữ khác nhau được dùng để chỉ người mang giới tính nữ: *con gái, cô gái, gái làng, gái, nữ sinh, người con gái, người đàn bà, thôn nữ, phụ nữ, nữ quân nhân*... Trong khi đó chỉ có 24 từ ngữ được dùng để chỉ người nam giới: *con trai, anh, anh cu, trai, trai làng, chàng, chú chàng, anh ta, trai chưa vợ, nam, thằng cu*... Tương ứng

\* ThS; Trường Đại học Hải Phòng; Email: duongducanh2006@gmail.com

với các từ chỉ giới tính nam là các từ chỉ giới tính nữ: trai - gái, con trai - con gái, nam - nữ, đàn ông - đàn bà, ngoài ra tác giả cũng thêm những từ chỉ giới tính nữ là phụ nữ. Đó là cách diễn đạt sáng tạo của nhà văn. Sở dĩ số lượng chỉ giới tính nữ và số lần xuất hiện của chúng nhiều hơn hẳn các từ chỉ giới tính nam là do tác phẩm kể về cuộc sống của người dân quê, một địa phương nông thôn. Xâu chuỗi tác phẩm ta thấy mâu thuẫn giữa các dòng họ, người hàng xóm tìm đủ mọi thói hư tật xấu để lợi dụng ép buộc họ, câu kết vào một phái để đấu đá lẫn nhau. Trong đó làm nên tình huống truyện độc đáo, trọng tâm của các mâu thuẫn là những người phụ nữ.

Trong số các từ chỉ giới tính nói trên, từ “*đàn bà*” và “*đàn ông*” xuất hiện nhiều nhất. Từ “*đàn bà*” xuất hiện 97 lần chiếm 46,6% (số lần xuất hiện của các danh từ chỉ giới tính nữ). Từ “*đàn ông*” xuất hiện 40 lần chiếm 31,5% (số lần xuất hiện của các danh từ chỉ giới tính nam). Để lí giải điều này trước hết cần lưu ý, mặc dù các từ đang xét thuộc trường nghĩa giới tính song nhiều trường hợp trong bản thân các từ này còn mang nét nghĩa về tuổi tác. Từ “*con gái*” chỉ dùng cho người mang giới tính nữ còn nhỏ tuổi hoặc chưa chồng; các từ “*phụ nữ*”, “*đàn bà*”, lại được dùng cho những người lớn tuổi thường là những người đã có gia đình. Từ “*con trai*” chỉ dùng cho người mang giới tính nam, ít tuổi, chưa vợ; từ “*đàn ông*” lại dùng cho những người nhiều tuổi hơn, những người đã có gia đình. Như vậy có thể thấy tác giả dùng nhiều từ “*đàn bà*”, “*đàn ông*” là tất yếu, bởi lẽ nhân vật chính trong tác phẩm là những người đàn ông lớn tuổi và các nhân vật xuất hiện xung quanh là những người đàn bà. Họ là những người đã biết tính toán, lo toan cuộc sống gia đình.

## 2.2. Trường nghĩa tuổi tác

Chúng tôi thống kê được 126 lần với 33 danh từ nhà văn sử dụng danh từ thuộc trường nghĩa tuổi tác: *bổ già, ông cụ, người đứng tuổi, bà già, cha già, người cao tuổi, cô gái, thiếu nữ, cô bé, đứa bé, con bé, con trẻ, thằng bé...* Trong đó từ “*cụ*” xuất hiện nhiều nhất, 39 lần chiếm 30,9% số lần xuất hiện danh từ thuộc trường nghĩa tuổi tác. Tiếp theo là từ “*thanh niên*” xuất hiện 18 lần chiếm 15% số lần xuất hiện danh từ thuộc trường nghĩa tuổi tác. Xét các từ chỉ tuổi tác ta thấy chiếm ưu thế là các từ nói về người đứng tuổi, với 82 lần xuất hiện, chiếm 65% trong tổng số lần xuất hiện các từ thuộc trường nghĩa tuổi tác. Còn lại với 44 lần xuất hiện là các từ nói về tuổi trẻ, chiếm 35% còn lại là các từ nói về tuổi trẻ thuộc trường nghĩa tuổi tác. Như vậy, kết hợp với từ “*đàn bà*” với 97 lần xuất hiện và từ “*đàn ông*” với 40 lần xuất hiện ở trường nghĩa giới tính, ta thấy ở tác phẩm này nhà văn hướng tới đối tượng miêu tả là những người trung tuổi, ít nói về tuổi trẻ (tác giả tập trung miêu tả xoay quanh những nhân vật như: ông Hàm, ông Thủ, ông Phúc, bà Son... là những người trung tuổi với những đấu tranh mâu thuẫn trong cuộc sống, giữa quá khứ và hiện tại).

Trong tác phẩm, có nhiều từ không chỉ có ý nghĩa về tuổi tác mà còn có ý nghĩa về giới tính, chẳng hạn như: *thiếu nữ, phụ nữ, cậu bé, ông già, cha già, bổ già...* nhưng khi dùng các từ này nhà văn nhấn mạnh các yếu tố tuổi tác nhiều hơn.

Như vậy, trong tác phẩm “*Mảnh đất lắm người nhiều ma*”, Nguyễn Khắc Trường chủ yếu hướng tới đối tượng miêu tả là những người trung tuổi, lớn tuổi; nói ít về những người trẻ tuổi. Xuyên suốt tác phẩm là câu chuyện của những người đàn ông trung niên với những mâu thuẫn, xung đột trong cuộc sống. Cụ thể đó là mâu thuẫn giữa hai dòng họ lớn ở làng Giếng Chùa, đó là dòng họ Trịnh Bá và dòng họ Vũ Đình. Dòng họ Trịnh Bá do Trịnh Bá Hàm (trưởng họ) và Trịnh Bá Thủ (là em trai Trịnh Bá Hàm) - đương kim bí thư đảng ủy xã - cầm đầu. Dòng họ Vũ Đình do Vũ Đình Phúc (Trưởng họ) - cựu chủ nhiệm ủy ban xã - cầm đầu. Mâu thuẫn chủ yếu của tiêu thuyết (nội dung chính) cũng chính là mâu thuẫn giữa hai dòng họ, đó là sự đấu đá cá nhân giữa hai dòng họ. Họ dùng mọi thủ đoạn, mưu mẹo để hạ bệ nhau, đấu đá nhau từ trong cuộc sống thường ngày đến đấu đá nhau trong các cuộc họp, hội nghị. Họ còn mê tín đến cả việc đào mồ mả lên để yểm bùa hại nhau (ông Trịnh Bá Hàm vì mâu thuẫn cá nhân (bà Son - vợ ông từng là người yêu của ông Phúc) và mâu thuẫn dòng họ đã lôi kéo con cháu nửa đêm ra đào mộ cụ cố Đại (là bố đẻ ông Phúc) để yểm bùa). Rồi họ còn dàn dựng những màn kịch để vu oan giáo họa cho nhau. Thậm chí, họ còn lôi kéo người thân vào cuộc, để người nhà mình còn phải bị vạ lây (bà Son đã bị Trịnh Bá Thủ là em chồng mình ép phải hẹn gặp Vũ Đình Phúc trong đêm tối để Trịnh Bá Thủ

lập mưu bắt quả tang đôi “gian phu dâm phụ”... Nói tóm lại, vì lợi ích cá nhân họ bắt chấp tất cả (kể cả người thân) để thực hiện âm mưu của mình.

### 2.3. Trường nghĩa nghề nghiệp, giai cấp, tầng lớp

Các từ chỉ nghề nghiệp, giai cấp, tầng lớp có nét gần gũi với nhau. Chẳng hạn từ “*nông dân*” là một từ chỉ giai cấp nhưng cũng hàm chứa nét nghĩa về nghề nghiệp, bởi người nông dân là những người sản xuất nông nghiệp. Do đó chúng tôi xét chung những từ chỉ nghề nghiệp và các từ chỉ giai cấp, tầng lớp vào một trường lớn, sau đó sẽ xét theo trường nhỏ.

#### 2.3.1. Trường nghĩa nghề nghiệp

Chúng tôi thống kê được 41 danh từ thuộc trường nghĩa nghề nghiệp với tổng số 100 lần xuất hiện trong tác phẩm “*Mảnh đất lắm người nhiều ma*” của Nguyễn Khắc Trường, chiếm 1,0% số lần xuất hiện của các danh từ thuộc trường nghĩa người.

Các danh từ chỉ nghề nghiệp thuộc lĩnh vực nông nghiệp và các nghề thuộc trường phái tâm linh có 10 danh từ chiếm 23,4% các từ thuộc lĩnh vực nghề nghiệp, với 35 lần xuất hiện chiếm 35 % số lần xuất hiện của các từ thuộc trường nghĩa nghề nghiệp.

Các từ chỉ nghề nghiệp thuộc lĩnh vực quân sự có 12 danh từ chiếm 29,2% các từ thuộc lĩnh vực nghề nghiệp, với 37 lần xuất hiện chiếm 37% số lần xuất hiện của các từ thuộc trường nghĩa nghề nghiệp.

Còn lại là các từ chỉ nghề nghiệp khác có 19 danh từ chiếm 46,3% các từ thuộc lĩnh vực nghề nghiệp, với 28 lần xuất hiện chiếm 28% số lần xuất hiện của các từ thuộc trường nghĩa nghề nghiệp.

Thuộc trường nghĩa nghề nghiệp thuộc lĩnh vực nông nghiệp và thuộc trường phái tâm linh là các từ như: *nhà nông, người dân quê, bà hàng xóm, nông dân, thầy tướng, thầy địa lý, thầy cúng*... Những cách diễn đạt đó đem đến cho người đọc cảm nhận một cách chân thực, chính xác về những đối tượng nhà văn đề cập tới. Đó là những người có tính thật thà, chất phác. Họ có cuộc sống lam lũ, chân lấm tay bùn, vun vén chất chiu nhưng thật bình dị, êm đềm. Trước làn sóng đổi mới, họ cũng mạnh dạn đấu tranh, tranh giành quyền lợi. Trong số họ có những cá nhân am hiểu sự đời hơn đã lôi kéo họ thành bè thành cánh để đấu đá nhau. Chính bởi bản chất thật thà của họ nên họ mới cả tin, cũng chỉ vì chút ít quyền lợi của mình. Đối với họ, cuộc sống không chỉ có làm ăn, không chỉ có những người trần mắt thịt mà còn có cả những những lo toan, lo lắng, còn có cả những người âm. Chính vì vậy, trong số họ có những người đứng ra chuyên lo các việc cúng tế, trao đổi với thần linh, với thế giới bên kia. Đó là các thầy cúng, thầy tướng số, thầy địa lý... Tuy họ không chuyên về việc đồng áng nữa nhưng vì họ xuất thân từ những người nông dân nên chúng tôi gộp họ vào chung với trường phái nghề nghiệp thuộc lĩnh vực nông nghiệp và trường phái tâm linh. Qua cách diễn đạt đó, độc giả cũng hiểu biết thêm về người nông dân, về cuộc sống thường ngày của họ trong thời kì đổi mới mà nhà văn đang hướng tới.

Các từ chỉ nghề nghiệp thuộc lĩnh vực quân sự như: *dân quân, du kích, phi công, lính dù, lính thủy, người lính, chiến sĩ, bộ đội*... là chỉ những người phục vụ trong quân ngũ nói chung, còn những người tham gia chiến đấu và hy sinh gọi là liệt sĩ, tử sĩ. Cách sử dụng ngôn ngữ phong phú trên khiến người đọc cảm nhận được một thời chiến đấu oai hùng của các anh bộ đội cụ Hồ. Việc lồng ghép giữa hiện tại và quá khứ qua sự hồi tưởng của ông Chinh cũng làm tăng thêm tinh thần người chiến sĩ dù chiến tranh đã đi qua. Mặc dù ít được nhắc đến nhưng hai người chiến sĩ, hai đảng viên là trung tá Chinh và chiến sĩ Tùng luôn sát cánh bên nhau trên mặt trận mới, đó là giữ gìn sự bình yên cho làng Giếng Chùa. Giữa trận chiến là các trận đấu đá nhau giữa các phe cánh, sự phá hoại của các phần tử cơ hội, hai người chiến sĩ, hai đảng viên cách mạng ấy đã thật sự tinh táo tránh sự lôi kéo của các bên và tung ra những đòn đánh quyết định vào những sai trái của họ (trong các cuộc họp) nhằm “góp phần thay đổi không khí ở làng xã”, để mọi người trong xã ngoài làng hãy rũ bỏ những mâu thuẫn cá nhân, những mối quan hệ phức tạp về gia đình, họ mạc để cùng xây dựng một nông thôn đổi mới, phát triển toàn diện.

Các từ chỉ nghề nghiệp khác gồm 19 danh từ thuộc các lĩnh vực như: *ngư nghiệp, thợ cạo, thợ húi đầu, nghề mộc, thợ may, thợ cà, thợ vẽ, giáo viên, y tá*... Ví dụ:

(1) Ông chỉ học nghề mộc qua quýt, mà đã tay trắng tay đục đi ăn cơm khắp bàn dân thiên hạ từ thời trai trẻ. Bây giờ ông chỉ ngồi nhà, nhưng quanh năm không hết việc. Nào giường mô-đec, tủ buyp-phê, tủ lệch đến sa-lông chân quỳ... [5, 75]

Có thể nhận thấy rằng Nguyễn Khắc Trường đã sử dụng nhóm từ chỉ nghề nghiệp rất phong phú, phạm vi phản ánh rộng, nhiều tầng lớp, đối tượng. Nhà văn đã đề cập đến mọi mặt trong đời sống xã hội (trong một xã hội thu nhỏ - làng Giếng Chùa) với không gian phản ánh rộng, thời gian phản ánh xuyên suốt từ quá khứ đến hiện tại. Tác giả đã dựng lên trước mắt người đọc một bức tranh sinh động, ở đó có rất nhiều người thuộc nhiều tầng lớp, với đủ loại nghề nghiệp khác nhau đang làm ăn sinh sống.

### 2.3.2. Trường nghĩa giai cấp, tầng lớp

Thuộc trường nghĩa này có 16 từ với 44 lần xuất hiện. Đó là các từ như: *địa chủ, phi vô sản, vô sản, công nông, nông dân, xã viên, cán bộ, phú gia, bản nông, dân chúng, du kích...* Trong các từ đó thì các từ “nông dân”, “cán bộ”, “xã viên”, “công nông”, “vô sản” được dùng nhiều; còn lại hầu như ít được dùng. Nó thể hiện khá rõ dấu ấn cách dùng từ, cách suy nghĩ của con người trong xã hội Việt Nam trong thời kì đổi mới đất nước.

### 2.4. Trường nghĩa cấp bậc, chức vụ

Khảo sát tư liệu từ tác phẩm, chúng tôi thống kê được 79 từ thuộc trường nghĩa cấp bậc, chức vụ (chiếm 10,3% thuộc trường nghĩa người) với 427 lần xuất hiện (chiếm 4,5% số lần xuất hiện của các danh từ chỉ người). Đa số các từ ngữ đều thuộc về trường nghĩa dân sự và quân sự. Một số từ ngữ chỉ trường nghĩa thuộc lĩnh vực dân sự là: *chủ tịch huyện, chủ tịch xã, lí trưởng, xã đội trưởng, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, trưởng ban tổ chức, trưởng ban văn hoá...* Một số từ ngữ chỉ trường nghĩa thuộc lĩnh vực quân sự là: *trung tá, thiếu tá, thượng sĩ, tiểu đoàn trưởng, quân nhân, trợ lí quân lực...* Ngoài ra còn có một số từ ngữ chỉ cấp bậc, chức vụ trong một tổ chức làng xóm, ví dụ: *trưởng họ, trưởng tộc, trưởng chi...*

Các trường nghĩa cấp bậc, chức vụ dùng trong phạm vi dân sự gồm có 65 danh từ chiếm 82,2% thuộc trường nghĩa cấp bậc, chức vụ và xuất hiện 376 lần chiếm 88% số lần xuất hiện của trường nghĩa cấp bậc, chức vụ. Còn lại là các từ trong trường nghĩa thuộc lĩnh vực quân sự với 14 danh từ chiếm 17,8% và 51 lần xuất hiện chiếm 12% tổng số lần xuất hiện của các từ thuộc trường nghĩa chỉ cấp bậc, chức vụ.

Như vậy chúng tôi nhận thấy, các từ thuộc trường nghĩa chỉ cấp bậc, chức vụ xuất hiện nhiều và chiếm vị trí chủ đạo là các từ liên quan đến lĩnh vực dân sự, còn lĩnh vực quân sự xuất hiện ít hơn nhiều. Điều này đó khẳng định tác phẩm “*Mảnh đất lắm người nhiều ma*” của Nguyễn Khắc Trường là cuốn tiểu thuyết viết về đề tài nông thôn và những người nông dân đang trong thời kì đổi mới.

### 2.5. Trường nghĩa các tổ chức xã hội

#### 2.5.1. Trường nghĩa các tổ chức xã hội

Trước hết cần lưu ý, các danh từ chỉ các tổ chức xã hội không trực tiếp biểu thị con người. Nhưng chúng tôi vẫn xếp vào trường nghĩa người do đây là các tổ chức do con người thành lập trên cơ sở tập hợp, phân nhóm các cá nhân. Quan sát các tổ chức này cũng giúp ta thấy được đối tượng miêu tả của nhà văn. Theo đó, chúng tôi thống kê được 55 danh từ chỉ các tổ chức xã hội với 604 lần xuất hiện. Đó là các từ: *làng, xã, xã đoàn, đơn vị, đại đội, tình đội, đơn vị pháo cao xạ, trung đoàn, đảng, thôn, tỉnh, huyện, hợp tác xã, Đảng uỷ, Ủy ban, Hội đồng nhân dân, chỉ bộ, Ban chỉ huy quân sự, thường vụ và ban thường vụ, Ủy ban nhân dân, văn phòng ủy ban, ban chỉ huy, ban chủ nhiệm, huyện uỷ...* Ví dụ:

(2) *Mặc dù hợp tác chưa khoán đất khoán ruộng xong, nhưng vụ chiêm này các hộ đã nhận diện tích và sản lượng rồi tự chăm bón và thu hoạch. Hợp tác xã đảm nhận khâu đầu và khâu cuối, tức là giao khoán cho các hộ ngay sau khi gieo cấy xong, cuối vụ hợp tác thu sản phẩm theo diện tích và sản lượng đồng điền.* [157]

(3) *Giấy triệu tập các bí thư Đảng uỷ sang ngay xã Tân Phú cách đây hơn chục cây số, để dự cuộc sơ kết rút kinh nghiệm đợt thí điểm đầu tiên huyện triển khai nghị quyết 04 của Trung ương về công tác làm trong sạch đội ngũ Đảng.* [219]

Các danh từ chỉ các tổ chức xã hội trong tiểu thuyết “*Mảnh đất lắm người nhiều ma*” chủ yếu là các danh từ thuộc lĩnh vực dân sự, chỉ các tổ chức dân chính đảng từ xã đến tỉnh. Còn các tổ chức quân sự chiếm số lượng không đáng kể 6/55 từ bằng 10,9%.

#### 2.5.2. Trường nghĩa chỉ các thành viên của các tổ chức xã hội

Chúng tôi thống kê được có 3 danh từ thuộc trường nghĩa thành viên các tổ chức xã hội với 16 lần xuất hiện. Đó là các từ: *đảng viên, đoàn viên, chiến sĩ* trong các tổ chức Đảng cộng sản, Đoàn thanh niên, các đơn vị quân đội. Đây là các tổ chức cơ bản nhất trong xã hội, có vai trò vô cùng quan trọng trong cả thời chiến và thời bình, đặc biệt trong thời kì đổi mới xây dựng đất nước. Điều này càng nhấn mạnh thêm dấu ấn lịch sử - xã hội của tác phẩm.

Như vậy, với 55 từ ngữ và 604 lần xuất hiện, trường nghĩa các tổ chức xã hội và các thành viên tổ chức xã hội (3 từ với 16 lần xuất hiện) mà chúng tôi thống kê được chủ yếu là các từ ngữ thuộc các tổ chức dân chính đảng (chiếm 89,1%). Điều này phản ánh đúng mục tiêu mà tác phẩm hướng tới. Đó là những mâu thuẫn và cách giải quyết các mâu thuẫn trong thời kì đổi mới. Trong tác phẩm, mâu thuẫn nảy sinh từ hai dòng họ (Trịnh Bá và Vũ Đình) với các tình huống đầy kịch tính, nhưng suy rộng ra ta có thể nhận thấy đó là mâu thuẫn chung trong xã hội, đặc biệt rõ nét ở vùng quê, nơi mà trình độ dân trí còn thấp, con người vì mục đích cá nhân mà quên đi lợi ích tập thể. Đó cũng là mâu thuẫn giữa tư duy cũ, bảo thủ trì trệ và tư duy đổi mới.

### 2.6. Trường nghĩa quan hệ thân tộc của con người

Chúng tôi đã thống kê được 160 danh từ thuộc trường nghĩa quan hệ thân tộc của con người (chiếm 20,9% trong trường nghĩa người) với 4.014 lần xuất hiện (chiếm 42,5% trong tổng số lần xuất hiện của trường nghĩa người), bao gồm các danh từ là các từ đơn, từ ghép tổng hợp, từ ghép phân loại. Hầu như tất cả các danh từ chỉ quan hệ thân tộc của con người xuất hiện thường xuyên trong tác phẩm theo nhiều kiểu quan hệ khác nhau. Quan hệ ruột thịt giữa các thành viên trong một gia đình có các từ: *cha, bố, ba, thầy, dượng, mẹ, má, mẹ đẻ, u, con, con trai, con út, con dâu, con rể, cụ, kị, ông, bà, anh trai, con trai, chị, chị gái, em gái...* Quan hệ vợ chồng: *vợ, chồng, vợ chồng, ông chồng, cô vợ, chị vợ, người vợ...* Quan hệ họ hàng gần gũi có các từ: *cô, dì, chú, bác, bà, con cô, con dì, con chú, anh họ, chị họ, cháu họ*. Bên cạnh các từ cụ thể nhà văn còn dùng các từ mang tính chất khái quát như: *bà con, người thân, anh em họ...* hoặc các từ ghép tổng hợp như: *bà cháu, ông cháu, con cháu, cháu họ, ông bà, vợ chồng, chồng con, cha ông, cha mẹ, bố con, anh em, chị em, thầy u,...*

Trong số các từ trên thì từ *ông, bà* được sử dụng nhiều nhất: từ *ông* dùng 840 lần chiếm 20,9%; từ *bà* dùng 522 lần chiếm 13%. Đây là 2 từ chỉ cách gọi phổ biến, thường dùng cho người đã có gia đình ở làng quê Việt Nam, đặc biệt được dùng nhiều hơn cho những người đứng tuổi. Cách sử dụng từ của tác giả cũng cho thấy đối tượng miêu tả của tác phẩm hướng tới người đứng tuổi.

### 2.7. Trường nghĩa quan hệ xã hội của con người

Từ nguồn tài liệu, chúng tôi thống kê được 31 danh từ chỉ quan hệ xã hội của con người chiếm 4,05% trong tổng số danh từ thuộc trường nghĩa người và 314 lần xuất hiện chiếm 3,32% số lần xuất hiện của trường nghĩa người. Các danh từ này chỉ nhiều kiểu quan hệ xã hội khác nhau của con người với các quan hệ giới tính: bạn trai - bạn gái; quan hệ đối địch: *bạn - thù*; quan hệ trên dưới: *bác - cháu*; quan hệ chủ khách: *chủ - khách*; quan hệ giữa những người sinh sống trên cùng một địa bàn: *hàng xóm - láng giềng, làng xóm, tình nhân*; quan hệ ruột thịt: *anh - em, tình máu mủ, anh em họ hàng*; quan hệ của những người có cùng lí tưởng: *đồng chí*; quan hệ giữa những người cùng lứa tuổi: *bạn bè, bạn, người bạn, anh bạn*; quan hệ giữa những người chung một đơn vị trong quân ngũ: *đồng đội*; quan hệ giữa những kẻ cùng hội, cùng thuyền, cùng phe cánh: *đồng bọn...*

Trong số đó xuất hiện nhiều nhất là những từ ngữ chỉ quan hệ giữa những người quen biết, gần gũi nhau, coi nhau ngang hàng: *bạn, bạn bè, bạn thân, hàng xóm, láng giềng, người bằng vai, anh em họ hàng...* với 156 lần xuất hiện chiếm 49,68% của trường nghĩa chỉ quan hệ xã hội của con người. Các từ ngữ chỉ mối quan hệ gần gũi quen biết trong quân đội xuất hiện 118 lần chiếm 37,57% lần xuất hiện của trường nghĩa chỉ quan hệ xã hội của con người.

Như vậy, tìm hiểu các từ chỉ quan hệ xã hội của con người chúng tôi xác định được trong cuốn tiểu thuyết "*Mảnh đất lắm người nhiều ma*", nhà văn tập trung viết về quan hệ bạn bè, quen biết, gần gũi của họ.

### 2.8. Trường các danh từ chỉ tập hợp

Các danh từ chỉ tập hợp đó là: *đám, lũ, đội, bọn, họ, cánh, lớp, nhóm, giới, làng, đoàn...* Tất cả có 56 danh từ với 254 lần xuất hiện, chúng có thể đứng một mình không cần có từ đi kèm đằng sau để làm rõ nghĩa, chẳng hạn “*lũ*”, “*họ*”, “*đám*”:

(4) *Họ báo thấy đồng chí Hùng Cường đến bắt rẽ cốt cán để tìm hiểu tình hình của làng, đã ăn com thịt gà rồi ngủ luôn ở đây đến sáng hôm sau đi công gác về trụ sở.* [25]

(5) *Đám người đi đèn đâu, đêm võ ra đèn đậy trong ánh lửa và tiếng hò hét thịnh nộ.* [133]

Các danh từ mang ý nghĩa tập hợp như vậy có 4 danh từ với 90 lần xuất hiện chiếm 35,4% số lần xuất hiện của các danh từ chỉ tập hợp. Nhưng đa số các trường hợp sau các danh từ đó còn có các từ đi kèm để làm rõ nghĩa cho chúng. Ví dụ: *bọn bóc lột, đội du kích, đám người, tổ truyền thanh, đội văn nghệ, đội kèn, chúng bọn, những vị khách, đám bạn, mọi người...* Các cụm chứa danh từ tập hợp như trên có tổng cộng 52 từ với 164 lần xuất hiện chiếm 64,6% các danh từ chỉ tập hợp.

(6) - *Cái Hoa! Chúng mày ơi, ề cái Hoa!*

- *Ê, cái Hoa!*

*Đám bạn chanh non chanh cốm vẫn nhảy dây cùng cái Hoa reo lên, la lên và ánh mắt của chúng bỗng nhìn người bạn vẫn được tình là xinh đẹp và múa dẻo nhất trong đội văn nghệ của lớp lạ hẳn đi.* [162]

Sau khi khảo sát cụ thể, chúng tôi nhận thấy: từ “*họ*” xuất hiện 81 lần chiếm 31,8%; từ “*đám*” xuất hiện 7 lần chiếm 2,8%. Trong số các danh từ chỉ tập hợp nói trên có 7 danh từ mang sắc thái ý nghĩa thân mật, suồng sã: *đám, cánh, lũ, tụi, làng, họ, lớp*. Với cách diễn đạt này, các đối tượng được đề cập đến với thái độ hoặc thân mật: *lớp, cánh...* hoặc suồng sã: *tụi, đám...* đặc biệt, từ “*bọn*” mang sắc thái miệt thị (bọn bóc lột).

### 2.9. Trường các danh từ chỉ cá thể

Chúng tôi thống kê được 105 danh từ thuộc trường nghĩa này với 1.682 lần xuất hiện. Đó là các từ như: *người, kẻ, đứa, tay, tên, gã, thằng, chàng, à, nàng, con, mẹ, nó...* Các từ thuộc trường nghĩa này có thể chia thành hai loại:

- Các từ không phân biệt giới tính, có thể dùng cho cả nam và nữ. Các từ đó là: *người, kẻ, đứa, ai, họ, tôi, nó, ta, tao, mày...* (12 từ xuất hiện 1.097 lần chiếm 65,2% số lần xuất hiện của trường nghĩa danh từ chỉ cá thể). Trong số đó từ “*người*” trung hòa về ý nghĩa (xuất hiện 938 lần), còn lại từ *kẻ, đứa, hắn, họ* mang tính chất khẩu ngữ, thân mật, suồng sã. Ví dụ: *Tùng đã gọi Đào - người yêu của mình là “hắn” khi kể cho ông Chính nghe về thái độ, cách đối xử của cô với mình:*

(7) *Nhưng mà chưa thể gặp hắn được chú ạ. Hắn bướng bỉnh lắm! Gặp chú hắn sẽ không nói gì, thậm chí còn vui vẻ nhận lời gặp cháu. Nhưng thấy mặt cháu là hắn sẽ dõn ngay. Anh bỏ ngay cái trò nhờ vả mối lái ấy đi!... Tính khí hắn cháu biết lắm.* [205]

Hoặc lời khuyên của nhân vật Thủ với Đào khi Đào muốn đuổi mẹ Bé đi khỏi nhà mình sau khi mẹ cô mất:

(8) *Hãy khoan, không khéo nó làm ầm lên, rồi cứ ôm chặt lấy thầy mày mà rêu rao là thầy mày ga nó, ép nó thì hông hết! Nó mất gì mà không dám la làng? Chả nhẽ lúc ấy cãi li với đứa ăn mày à?* [372]

Cũng có khi các nhân vật dùng từ “*hắn*”, “*đứa*”, “*kẻ*” với hàm ý coi thường:

(9) *Ông trờng trờng cặp mắt cá rói nhìn thẳng vào Thủ, người cùng giọt máu với ông. Người xưa nay quen gặt hái trên công lao nhọc nhằn của ông. Ông đã vì hắn mà nai lưng ra cáng đáng mọi việc như một con lừa! Vậy mà hắn đã bán phéng ông! Thằng đểu!* [140]

(10) *Khoán ấy thì bắt chính kẻ làm đơn tố cáo phải chịu trách nhiệm. Tức lão Phúc chứ ai!* [288]

- Các từ dùng chỉ nhân vật nam. Các từ đó là: *ông, tay, thằng, tên, gã, anh, thằng cu, cậu cháu, con trai...* Trong đó, từ “*ông*” xuất hiện nhiều nhất và mang sắc thái chung là chỉ người đã lớn tuổi, còn từ “*tay*”, “*thằng*”, “*gã*”, “*tên*” là chỉ thái độ thiếu thiện cảm với đối tượng được nói tới. Nhà văn Nguyễn Khắc Trường dùng từ “*thằng*” để chỉ những người con trai thuộc hàng dưới và đôi khi để chỉ sự không tôn trọng. Ví dụ: Trong đoạn đối thoại với ông Hàm, mặc dù Tùng ăn nói, xưng hô rất lễ độ song ông Hàm vẫn đánh giá về anh không mấy thiện cảm:

(11) - *Thế anh học được những nghề gì?*

- Dạ, đóng gạch và đốt gạch thì cháu đã thạo. Nghề mộc mới sơ sơ. Ban đêm cháu đi học võ!
- Lại học cả võ nữa?
- Dạ, đơn vị cháu có mấy anh rất giỏi ka-ra-te.
- Anh khá đấy! - Ông Hàm gật gù, mặt vẫn tỉnh khô, không biết khen thật hay khen đùa.
- Lát sau Tùng về, bây giờ ông mới xổ ra:
- Mới nứt mắt đã cóc láo! Không coi ai ra gì! Thằng này rồi làm loạn ở cái làng này đây! [107]

Hoặc khi nhân vật Phúc bắt quả tang ông Hàm cùng Ương, Ngạc, Thỏ đang phá tan ngôi mộ của bố mình, đã ra lệnh cho cháu là Quyền rằng:

(12) Thằng Quyền về báo động, khua cả làng ra đây! Gọi cả thằng Thủ ra đây! [120]

Trong ví dụ (12), ông Phúc gọi Thủ (bí thư Đảng ủy xã), anh ruột của ông Hàm là “thằng” cho thấy tất cả sự căm phẫn cũng như miệt thị của nhân vật, phát ngôn của ông sau đó đã nói lên điều đó: “phải cho cả làng Giếng Chùa nhìn thấy việc làm của chúng nó! Phen này cả làng sẽ thấy chúng nó quỳ lạy dưới chân tao!”.

- Các từ chỉ cá thể mang giới tính nữ, đó là các từ: *mụ, á, con, bà, cô, chị ta* với 27 lần xuất hiện chiếm 1,6%. Ở đây, chỉ duy nhất một lần nhà văn dùng từ theo lối trang trọng “*nàng*”, còn lại nhà văn sử dụng các từ “*mụ*”, “*á*”, “*con*” với hàm ý coi thường hoặc ghê tởm:

(13) - *Mày phải ngậm ngay miệng lại, cấm không được bép xép với ai. Không được bép xép với cả mẹ con bà Cá. Để đấy chú xem thế nào.*

- *Nhưng phải đuổi ngay con mụ Bé đi đã! - Đào cúi đến run môi.* [371]

Như vậy, ở trường các danh từ chỉ cá thể, nhà văn thường sử dụng các danh từ chỉ người theo hướng suồng sã, bình dân, cách nói thường được sử dụng trong đời sống hàng ngày.

### 2.10. Trường nghĩa bộ phận cơ thể người

Khảo sát tư liệu từ tác phẩm, chúng tôi nhận thấy nhà văn sử dụng nhiều các từ chỉ bộ phận cơ thể người với 136 danh từ 1.545 lần xuất hiện. Đây là những con số không nhỏ, sơ dĩ số lượng từ chỉ các bộ phận cơ thể nhiều như vậy là bởi lẽ không chỉ nhắc tới nhiều bộ phận cơ thể mà cùng một bộ phận nhà văn còn dùng nhiều từ khác nhau để gọi tên. Hầu như tất cả các bộ phận cơ thể con người đều thuộc về ngoại hình đều có mặt trong tác phẩm: *đầu, mặt, mắt, mũi, miệng, tay, chân, lưng, vai, gáy, đầu gối*. Từng bộ phận lại được miêu tả cụ thể, chi tiết từng văn cảnh. Chẳng hạn, khi dùng từ “*tay*” nhà văn lại nhắc tới *cổ tay, bàn tay, cánh tay, ngón tay, đầu ngón tay, lòng bàn tay*.

Cùng một bộ phận cơ thể lại được diễn đạt bằng những từ ngữ khác nhau như “*mặt*”: *bộ mặt, khuôn mặt, mặt mày, gương mặt* hoặc “*da*”: *da thịt, nước da, làn da, da dẻ*; “*chân*”: *bàn chân, gót chân, cổ chân, ống chân, đôi chân*. Có những cách gọi tên bộ phận cơ thể người một cách cụ thể và cũng có cả những cách khái quát: *tay chân, chân tay, đầu tóc, xương cốt, gan ruột, mặt mũi, tai mắt, miệng lưỡi, da dẻ, da thịt...* có những bộ phận cụ thể và cũng có toàn thân thể nói chung như *thân, thân thể, người...* Có những bộ phận thuộc về ngoại hình và cũng có cả những bộ phận bên trong cơ thể: *xương, xương cốt, lòng dạ, ruột gan, ruột, gân cốt...*

Thân thể người đã chết xuất hiện trong tác phẩm dưới nhiều hình thức khác nhau: *xác chết, thi hài, thi thể, tử thi, chết, mất* trong đó từ “*chết*” xuất hiện nhiều nhất với 78 lần.

Xem xét trường nghĩa “*người*” trong tác phẩm “*Mảnh đất lắm người nhiều ma*” chúng tôi xác lập được 10 trường nghĩa nhỏ với số lượng từ vựng là 765 xuất hiện 9.454 lần. Trong đó trường nghĩa quan hệ thân tộc có số lượng lớn nhất với 160 từ, trường nghĩa bộ phận cơ thể người có số từ vựng đứng thứ hai với 136 từ, tần số sử dụng là 1.545 lần. Các kết quả khảo sát và miêu tả cụ thể từ ngữ trong trường nghĩa “*người*” với 10 trường nghĩa nhỏ cụ thể nói trên được tổng hợp thành bảng sau:

TT	Hệ thống TN của các DT chỉ người	Số lượng (từ)	Tần số xuất hiện (lần)	Tỉ lệ %	
				Số lượng	Tần số
1	Giới tính	52	335	6,8%	3,5%
2	Tuổi tác	33	126	4,3%	1,3%
3	Nghề nghiệp, giai cấp, tầng lớp	57	149	7,5%	1,6%

4	Cấp bậc, chức vụ	79	427	10,3%	4,5%
5	Tổ chức xã hội, thành viên tổ chức xã hội	56	608	7,3%	6,4%
6	Quan hệ thân tộc	160	4014	20,9%	42,5%
7	Quan hệ xã hội	31	314	4,1%	3,3%
8	Tập hợp	56	254	7,3%	2,7%
9	Cá thể	105	1682	13,7%	17,8%
10	Bộ phận cơ thể người	136	1545	17,8%	16,3%
	Tổng	765	9454	100%	100%

### 3. Kết luận

Trong tiểu thuyết "Mảnh đất lắm người nhiều ma" nhà văn Nguyễn Khắc Trường đã sử dụng 765 từ ngữ chỉ người với 9.454 lần xuất hiện. Trong trường nghĩa người thì trường nghĩa các danh từ chỉ quan hệ thân tộc có số lượng từ ngữ nhiều nhất là 160 đơn vị, xuất hiện 4.014 lần; đứng vị trí thứ hai là các từ chỉ bộ phận cơ thể người với 136 đơn vị, xuất hiện 1.545 lần; tiếp theo là danh từ chỉ cá thể với 105 từ, xuất hiện 1.682 lần, ít nhất là danh từ chỉ quan hệ xã hội với 31 từ, xuất hiện 314 lần.

Tác phẩm của Nguyễn Khắc Trường tập trung viết về nông thôn Việt Nam trong thời khắc chuyển giao giữa thời kì cũ và mới, giữa hai luồng tư tưởng tiến bộ và bảo thủ. Vẫn còn đó những con người chân chất, thật thà, những con người khao khát đổi mới, làm giàu ngay trên chính quê hương mình, nhưng cũng vẫn tồn tại những dòng họ với mối thù truyền kiếp luôn tìm mọi cách để trả thù, để làm cho đối phương phải lụn bại, tồn tại những kẻ luôn tìm mọi cách để củng cố địa vị quyền lợi, lợi ích cho riêng cá nhân mình, dòng họ mình... Nguyễn Khắc Trường đã viết về nông thôn Việt Nam đang trong thời kì đổi mới với cách nhìn chân thực, chủ động, bộc lộ qua từng trang viết là một nông thôn có nhiều chuyển động, xáo trộn, đấu tranh giữa cái tốt và cái xấu, là sự tranh chấp giữa các thế lực trong xã ngoài làng. Trường rằng khi tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội thì con người đã là những con người mới xã hội chủ nghĩa với những phẩm chất cách mạng cao quý thế nhưng, tư tưởng phong kiến vẫn còn ảnh hưởng nặng nề trong mỗi con người. Trong tác phẩm "Mảnh đất lắm người nhiều ma", nhà văn Nguyễn Khắc Trường tập trung viết về người nông dân, về cuộc sống thường ngày sau chiến tranh, về những toan tính, tranh giành quyền lực, địa vị, ngôi thứ ở làng Giếng Chùa, nhưng đọng lại hơn hết vẫn là những bài học xót xa về tình người trong họ ngoài làng, về lẽ sống, về tình yêu.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Hữu Châu (1974), *Trường từ vựng ngữ nghĩa và việc dùng từ ngữ trong tác phẩm nghệ thuật*, Tạp chí Ngôn ngữ, số 3.
2. Đỗ Hữu Châu (1976), *Khái niệm "trường" và việc nghiên cứu hệ thống từ vựng*, Tạp chí Ngôn ngữ số 2.
3. Đỗ Hữu Châu (1987), *Cơ sở ngữ nghĩa học từ vựng*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Đỗ Việt Hùng, Nguyễn Thị Ngân Hoa (2003), *Phân tích phong cách ngôn ngữ trong tác phẩm văn học*, Nxb ĐHSP, Hà Nội.

#### Tài liệu nguồn

5. Nguyễn Khắc Trường (2002), *Mảnh đất lắm người nhiều ma, tiểu thuyết và bình luận*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
6. Nguyễn Khắc Trường (2007), *Mảnh đất lắm người nhiều ma*, Nxb Thông tin, Hà Nội.

#### The semantic field of the word "man"

##### in the novel "Mảnh đất lắm người nhiều ma" of Nguyen Khac Truong

**Abstract:** Basing on the theory of lexical - semantic field to identify that words belonging to a semantic field must have semantic relation with each other that relies on existing one or some general meanings, on the base of collecting 765 words denoting "man" in the novel "Mảnh đất lắm người nhiều ma" of Nguyen Khac Truong, the article divides into 10 sub-fields, describes, analyzes the features and roles of these words in depicting characteristics of figures with conflicts between two families in a rural village in Vietnam in the early years of the renovation period. Hence the article gives out some comments about the art of using words of the writer.

**Key words:** semantic field; activity of word; art of using word; the novel "Mảnh đất lắm người nhiều ma"; Nguyen Khac Truong.